ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 87 /2023/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 20 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực lao động - thương binh và xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 3089/TTr-SLĐTBXH ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Báo cáo thẩm định số 3189/BC-STP ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, bao gồm:

1. Hoạt động tư vấn.

2. Giới thiệu việc làm.

3. Cung ứng lao động.

4. Phân tích, dự báo thị trường lao động.

5. Thu thập thông tin người tìm việc.

6. Thu thập thông tin việc làm trống.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

1. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về việc làm tại Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh định mức khi các yếu tố hình thành định mức thay đổi (nếu có).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- VP. Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Vụ pháp chế (Bộ LĐTBXH);
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN, các đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Ninh Thuận, Đài PTTH;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, TCD, TTPVHCC;
- Lưu: VT. NAM.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
Áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội về việc làm trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 87 /2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi áp dụng

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm *(gọi tắt là Định mức kinh tế - kỹ thuật)* làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và đơn giá cho hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống có sử dụng kinh phí theo phương thức Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

b) Đối với hoạt động phân tích, dự báo thị trường lao động Sở Lao động - Thương binh và Xã hội căn cứ vào yêu cầu, phạm vi, mục tiêu cụ thể của sản phẩm để tham mưu UBND tỉnh giao nhiệm vụ, đặt hàng theo các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng cho các Trung tâm Dịch vụ việc làm được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

b) Các cơ quan, tổ chức liên quan đến cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm.

3. Cơ sở xây dựng Định mức kinh tế - kỹ thuật

- Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

- Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về Trung tâm Dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm;

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

- Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm;

- Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành danh mục và phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và phương thức thực hiện tại các Phụ lục kèm theo Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục và phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

4. Nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật

Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các định mức thành phần:

a) Định mức lao động.

- Định mức lao động (Tm) bao gồm thời gian lao động hao phí để hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc) được tính bằng tổng của định mức lao động công nghệ (Tcn), định mức lao động phục vụ (Tpv) và định mức lao động quản lý (Tql);

- Định mức lao động công nghệ (Tcn) là tổng thời gian lao động trực tiếp cần thiết để thực hiện các bước công việc trong quá trình xử lý một đơn vị sản phẩm;

- Định mức lao động phục vụ (Tpv) là tổng thời gian lao động phụ trợ thực hiện các chức năng phục vụ cho xử lý một đơn vị sản phẩm;

- Định mức lao động quản lý (Tql) là tổng thời gian lao động thực hiện chức năng quản lý để xử lý một đơn vị sản phẩm;

b) Định mức thiết bị, vật tư

- Định mức thiết bị:

+ Định mức thiết bị là thời gian sử dụng thiết bị cần thiết đối với từng loại thiết bị để hoàn thành ra một đơn vị sản phẩm;

+ Thời hạn sử dụng thiết bị là thời gian dự kiến sử dụng thiết bị để cung cấp dịch vụ trong điều kiện bình thường, phù hợp với các thông số kinh tế - kỹ thuật của thiết bị;

+ Điện năng tiêu thụ của các thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất của thiết bị, 8 giờ làm việc trong 1 ngày và định mức sử dụng thiết bị.

Công thức tính lượng điện tiêu thụ: A = P x t (A: Lượng điện tiêu thụ trong thời gian t; P: công suất - đơn vị kW; t: thời gian sử dụng - đơn vị giờ).

- Định mức vật tư:

+ Định mức vật tư là số lượng vật tư cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm;

+ Mức vật tư nhỏ và hao hụt được tính bằng 8% mức vật tư trong bảng định mức thiết bị, vật tư phổ biến được quy định tại Phụ lục này.

c) Hệ số định mức - kỹ thuật điều chỉnh 1,5 lần so với Định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Trừ định mức thiết bị, vật tư).

5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện

a) Định mức thiết bị, vật tư: chỉ thể hiện các thiết bị, vật tư chính, quan trọng hoặc có giá trị lớn; số còn lại tính bằng 8% theo các thiết bị, vật tư chính đã thể hiện.

b) Định mức kinh tế - kỹ thuật này không bao gồm công tác di chuyển nhân công, thiết bị, vật tư, phương tiện để tổ chức hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống. Chi phí cho việc di chuyển nhân công, thiết bị, vật tư, phương tiện để tổ chức thực hiện các dịch vụ được áp dụng theo các quy định hiện hành.

c) Hàng năm, trước ngày 15/01, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trung tâm Dịch vụ việc làm lập báo cáo tình hình thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật năm trước gửi về UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Việc làm) với các nội dung: Tình hình thực hiện định mức, chênh lệch định mức (nếu có), lý do chênh lệch và kiến nghị (nếu có).

d) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng tại Định mức kinh tế - kỹ thuật này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Phần II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT TƯ VẤN

1. Quy trình thực hiện tư vấn

a) Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch, sắp xếp tài liệu, chuẩn bị các thông tin cần thiết cho hoạt động tư vấn.

b) Thực hiện tư vấn:

- Bước 1: Tư vấn viên hỏi, lắng nghe, trao đổi để ghi nhận thông tin khách hàng, nội dung nhu cầu tư vấn của người yêu cầu tư vấn vào bản "Đăng ký tư vấn", đồng thời nhập các thông tin cần thiết vào cơ sở dữ liệu.

- Bước 2: Tư vấn viên kiểm tra và xác định mức độ sẵn sàng tìm việc làm và làm việc của người lao động hoặc tính pháp lý của đại diện người sử dụng lao động.

- Bước 3: Tư vấn viên lấy thông tin trên cơ sở dữ liệu dùng chung và tham khảo ý kiến các chuyên viên có liên quan (khi cần thiết) để phân tích nội dung nhu cầu tư vấn.

- Bước 4: Tư vấn viên thông báo các hướng giải quyết để khách hàng lựa chọn và thực hiện hướng giải quyết đã chọn.

- Bước 5: Tư vấn viên cùng khách hàng xem xét lại kết quả sau khi thực hiện hướng giải quyết đã chọn.

- Bước 6: Tư vấn viên cùng khách hàng xây dựng bản kế hoạch thực hiện sau tư vấn.

c) Kết thúc: Nhập và ghi chép các thông tin về kết quả tư vấn để lập báo cáo tư vấn.

2. Định mức lao động

a) Định mức lao động tư vấn việc làm cho người lao động

Bảng 1. Định mức lao động tư vấn việc làm cho người lao động

TT	Nội dung	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân	Định mức (phút/ca)
A	*B*	*C*	*D*
1	**Tcn** - Định mức lao động công nghệ	3,2	45
2	**Tpv** - Định mức lao động phục vụ	2,9	15
3	**Tql** - Định mức lao động quản lý	4,1	7,5

4	**Tm** - Định mức lao động **Tm = Tcn + Tpv + Tql**		67,5

b) Hệ số định mức theo đối tượng và nội dung tư vấn

Bảng 2. Hệ số định mức theo đối tượng, nội dung tư vấn

TT	**Nội dung tư vấn** **Đối tượng**	**Việc làm**	**Chính sách lao động việc làm**	**Học nghề**
A	*B*	*C*	*D*	*E*
1	Người lao động	1	0,9	0,8
2	Người khuyết tật	1,5	1,35	1,2
3	Người dân tộc thiểu số	1,3	1,17	1,04
4	Người sử dụng lao động	2	1,8	1,6

3. Định mức thiết bị, vật tư

Định mức thiết bị, vật tư được quy định tại Bảng số 10 kèm theo Phụ lục này.

Phần III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

1. Quy trình thực hiện giới thiệu việc làm

a) Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch, sắp xếp tài liệu, chuẩn bị các thông tin cần thiết cho hoạt động giới thiệu việc làm.

b) Thực hiện giới thiệu việc làm:

- Bước 1: Tư vấn viên hỏi, lắng nghe, trao đổi để ghi thông tin cá nhân của người tìm việc và nội dung nhu cầu tìm việc vào bản "Đăng ký tìm việc làm" thích hợp, đồng thời nhập các thông tin cần thiết vào cơ sở dữ liệu người tìm việc.

- Bước 2: Tư vấn viên kiểm tra và xác định mức độ sẵn sàng tìm việc làm và làm việc của người tìm việc.

- Bước 3: Tư vấn viên lấy thông tin trên cơ sở dữ liệu dùng chung và tham khảo ý kiến các chuyên viên có liên quan (khi cần thiết) để xác định các hướng kết nối việc làm.

- Bước 4: Tư vấn viên thông báo các hướng kết nối việc làm để người tìm việc lựa chọn và thực hiện kết nối việc làm với nhà tuyển dụng mà người tìm việc đã chọn.

- Bước 5: Tư vấn viên cùng người tìm việc xem xét lại kết quả sau khi thực hiện hướng kết nối việc làm đã chọn.

- Bước 6: Tư vấn viên kiểm tra hồ sơ dự tuyển theo yêu cầu của nhà tuyển dụng đã được kết nối và nêu rõ định hướng để người tìm việc hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 7: Tư vấn viên cùng người tìm việc xây dựng bản kế hoạch dự tuyển sau tư vấn và cấp giấy giới thiệu dự tuyển cho người tìm việc (nếu có nhu cầu).

- Bước 8: Tư vấn viên theo dõi và báo cáo tình hình việc làm của người tìm việc sau khi đã giới thiệu việc làm.

- Bước 9: Trong trường hợp người tìm việc không trúng tuyển, tiếp tục giới thiệu và kết nối người tìm việc với vị trí việc làm khác. Trong trường hợp người tìm việc trúng tuyển: Hỗ trợ người lao động trong việc ký kết hợp đồng lao động với nhà tuyển dụng (nếu người lao động có yêu cầu) sau đó chuyển sang theo dõi việc làm.

c) Kết thúc: Nhập và ghi chép các thông tin về kết quả giới thiệu việc làm để lập báo cáo giới thiệu việc làm.

2. Định mức lao động

Bảng 3. Định mức lao động giới thiệu việc làm

TT	**Nội dung**	**Hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân**	**Định mức (phút/ca)**
A	*B*	*C*	*D*
1	**Tcn** - Định mức lao động công nghệ	3,2	120
2	**Tpv** - Định mức lao động phục vụ, phụ trợ	2,9	30
3	**Tql** - Định mức lao động quản lý	4,1	15
4	**Tm** - Định mức lao động **Tm = Tcn + Tpv + Tql**		165

3. Hệ số định mức theo đối tượng và nội dung giới thiệu việc làm

Bảng 4. Hệ số định mức theo đối tượng, nội dung giới thiệu việc làm

TT	Nội dung giới thiệu việc làm / Đối tượng	Giới thiệu việc làm trong nước	Giới thiệu lao động Việt nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài
A	*B*	*C*	*D*
1	Người lao động	1	1,8
2	Người khuyết tật	1,5	-
3	Người dân tộc thiểu số	1,6	2,9

4. Định mức thiết bị, vật tư

Định mức thiết bị, vật tư được quy định tại Bảng số 10 kèm theo Phụ lục này.

Phần IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CUNG ỨNG LAO ĐỘNG

1. Quy trình thực hiện cung ứng lao động

a) Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch, sắp xếp tài liệu, chuẩn bị các thông tin cần thiết cho hoạt động cung ứng lao động.

b) Thực hiện cung ứng lao động:

- Bước 1: Tư vấn viên hỏi, lắng nghe, trao đổi để ghi thông tin, yêu cầu cung ứng lao động vào bản "Đăng ký giới thiệu/cung ứng lao động" dành cho nhà tuyển dụng, đồng thời nhập các thông tin cần thiết vào cơ sở dữ liệu việc làm trống.

- Bước 2: Tư vấn viên kiểm tra và xác định tư cách pháp nhân, tính hợp pháp trong hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động và tính hợp lý của yêu cầu cung ứng lao động.

- Bước 3: Tư vấn viên lấy thông tin trên cơ sở dữ liệu dùng chung, tham khảo ý kiến các chuyên viên có liên quan (nếu cần) để kết nối việc làm và lập danh sách ứng viên đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

- Bước 4: Tư vấn viên thông báo đến ứng viên và phối hợp với nhà tuyển dụng để lập kế hoạch tổ chức tuyển chọn, thi tuyển để lựa chọn lao động theo đúng yêu cầu cung ứng của nhà tuyển dụng .

- Bước 5: Tư vấn viên thông báo và trao đổi ý kiến với nhà tuyển dụng về kết quả đã tuyển chọn.

- Bước 6: Tư vấn viên cùng với nhà tuyển dụng xây dựng bản kế hoạch thiết lập quan hệ lao động với những lao động đã được nhà tuyển dụng đồng ý tuyển chọn.

c) Kết thúc: Nhập và ghi chép các thông tin về kết quả cung ứng lao động để lập báo cáo về cung ứng lao động.

2. Định mức lao động

Bảng 5. Định mức lao động cung ứng lao động

TT	Nội dung	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân	Định mức (phút/ca)
A	*B*	*C*	*D*
1	**Tcn** - Định mức lao động công nghệ	3,2	156
2	**Tpv** - Định mức lao động phục vụ	2,9	40,5
3	**Tql** - Định mức lao động quản lý	4,1	21
4	**Tm** - Định mức lao động **Tm = Tcn + Tpv + Tql**		217,5

3. Hệ số định mức theo đối tượng và nội dung cung ứng lao động

Bảng 6. Hệ số định mức theo đối tượng, nội dung cung ứng lao động

TT	Nội dung / Đối tượng	Cung ứng lao động trong nước	Cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng
A	*B*	*C*	*D*
1	Người lao động	1	1,7
2	Người khuyết tật	1,5	-
3	Người dân tộc thiểu số	1,6	2,7

4. Định mức thiết bị, vật tư

Định mức thiết bị, vật tư được quy định tại Bảng số 10 kèm theo Phụ lục này.

Phần V

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT THU THẬP THÔNG TIN NGƯỜI TÌM VIỆC, THU THẬP THÔNG TIN VIỆC LÀM TRỐNG

1. Quy trình thực hiện thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống

a) Thu thập thông tin người tìm việc

- Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch, sắp xếp tài liệu, chuẩn bị các thông tin cần thiết để thu thập thông tin người tìm việc.

- Thực hiện thu thập thông tin người tìm việc theo các bước:

+ Bước 1: Nhân viên đón tiếp người tìm việc tại bộ phận dành riêng cho người tìm việc.

+ Bước 2: Nhân viên trao đổi với người tìm việc về nhu cầu tìm việc theo mẫu phiếu đăng ký nhu cầu tìm việc.

+ Bước 3: Ghi, chép cụ thể thông tin người tìm việc.

- Kết thúc: Cập nhật thông tin người tìm việc vào cơ sở dữ liệu dùng chung; kết xuất số liệu, phân tích và xử lý số liệu theo các mục tiêu đề ra; tổng hợp báo cáo.

b) Thu thập thông tin việc làm trống

- Chuẩn bị: Xây dựng kế hoạch, sắp xếp tài liệu, chuẩn bị các thông tin cần thiết để thu thập thông tin việc làm trống.

- Thực hiện thu thập thông tin việc làm trống theo các bước:

+ Bước 1: Tìm kiếm, liên hệ và đặt lịch hẹn với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc cá nhân (gọi chung là doanh nghiệp).

+ Bước 2: Nhân viên trao đổi với doanh nghiệp về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp theo mẫu phiếu đăng ký nhu cầu tuyển dụng.

+ Bước 3: Ghi, chép cụ thể thông tin tuyển dụng của doanh nghiệp.

- Kết thúc: Cập nhật thông tin tuyển dụng vào cơ sở dữ liệu việc làm trống; kết xuất số liệu, phân tích và xử lý số liệu theo các mục tiêu đề ra; tổng hợp báo cáo.

2. Định mức lao động

Bảng 7. Định mức lao động thu thập thông tin người tìm việc

TT	Nội dung	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân	Định mức (phút/người tìm việc)
A	*B*	*C*	*D*
1	**Tcn** - Định mức lao động công nghệ	3,2	22,5
2	**Tpv** - Định mức lao động phục vụ, phụ trợ	2,9	10,5
3	**Tql** - Định mức lao động quản lý	4,1	4,5
4	**Tm** - Định mức lao động **Tm = Tcn + Tpv + Tql**		37,5

Bảng 8. Định mức lao động thu thập thông tin việc làm trống

TT	Nội dung	Hệ số lương, phụ cấp chức vụ bình quân	Định mức (phút/việc làm trống)
A	*B*	*C*	*D*
1	**Tcn** - Định mức lao động công nghệ	3,2	27
2	**Tpv** - Định mức lao động phục vụ, phụ trợ	2,9	15
3	**Tql** - Định mức lao động quản lý	4,1	3
4	**Tm** - Định mức lao động **Tm = Tcn + Tpv + Tql**		45

3. Hệ số định mức theo đối tượng, hình thức thu thập thông tin

Bảng 9. Hệ số định mức theo nội dung, hình thức thu thập thông tin

TT	Nội dung / Đối tượng	Việc làm trống	Người tìm việc
A	*B*	*C*	*D*
1	Trực tiếp tại Trung tâm	1	1
2	Qua website, trang mạng xã hội của Trung tâm	1,3	1,2
3	Tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài Trung tâm)	1,2	1,1
4	Tại doanh nghiệp	2,5	-
5	Tại hộ gia đình	-	1.8

4. Định mức thiết bị, vật tư

Định mức thiết bị, vật tư được quy định tại Bảng số 10 kèm theo Phụ lục này.

Phần VI
ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ, VẬT TƯ

Thiết bị, vật tư dưới đây là thiết bị vật tư phổ biến để đảm bảo chất lượng công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc tìm người.

Trung tâm dịch vụ việc làm cần tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật trong tổ chức hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động, thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc tìm người. Các thiết bị, vật tư mới được áp dụng cần đảm bảo tính định mức theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bảng 10: Định mức thiết bị, vật tư phổ biến

(Đơn vị tính: 1000 ca tư vấn/cung ứng lao động/việc làm trống/người tìm việc)

TT	Thiết bị và vật tư	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	ĐỊNH MỨC			
				Tư vấn	Giới thiệu việc làm	Cung ứng lao động	Thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống
I	**Thiết bị**						
1	Máy tính 0,5 kW	Chiếc	60	0,08	0,19	0,4	0,05
2	Máy photocopy 1,5 kW	Chiếc	**60**	0,003	0,003	0,03	0,004
3	Máy scan 0,4 kW	Chiếc	60	0,005	0,004	0,04	0,005
4	Máy in lazer A4 0,4 kW	Chiếc	60	0,018	0,04	0,4	0,017
5	Máy chủ 0,65 kW	Chiếc	60	-	-	-	0,012
6	Máy tra cứu thông tin 0,4kW	Chiếc	60	0,024	0,04	-	0,012
7	Phần mềm DVVL	Phần mềm	36	0,01	0,03	0,13	0,01
8	Phần mềm tra cứu thông tin	Phần mềm	36	0,01	0,03	0,13	0,01
9	Điều hòa nhiệt độ 5 kW	Chiếc	96	0,015	0,023	0,25	0,01
10	Cabin	Chiếc	60	0,053	0,12	0,4	-
11	Amly 0,3 kW; loa 0,15 kW		60	0,006	-	-	-
12	Máy hút ẩm 2 kW	Chiếc	60	0,012	0,02	0,4	0,012
13	Bảng điện tử 6 kW	Chiếc	60	0,012	-	-	-
14	Máy chiếu, màn chiếu 0,25 kW	Bộ	60	0,012	-	-	-

TT	Thiết bị và vật tư	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	ĐỊNH MỨC			
				Tư vấn	Giới thiệu việc làm	Cung ứng lao động	Thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống
15	Quạt trần 0,08 kW	Chiếc	60	0,012	0,02	-	0,006
16	Đèn neon 0,04 kW	Chiếc	12	0,18	0,3	-	0,12
17	Quạt treo tường 0,075 kW	Chiếc	60	0,03	0,04	0,4	0,023
18	Cây nước nóng lạnh 0,6 kW	Chiếc	60	0,012	-	-	0,006
19	Headphone	Chiếc	24	0,18	-	-	0,058
20	Webcam	Chiếc	24	0,09	-	-	0,029
21	Máy phát điện	Chiếc	60	-	-	-	0,006
22	Ghế nhân viên	Cái	60	0,071	0,18	0,4	0,05
23	Ghế khách hàng	Cái	**96**	0,153	0,353	0,784	0,1
24	Bàn làm việc	Cái	**96**	0,08	0,18	0,4	0,05
25	Bàn máy tính	Cái	**60**	0,08	0,18	0,4	0,05
26	Tủ đựng tài liệu	Cái	**60**	0,06	0,15	0,74	0,015
II	**Trang phục**						
1	Trang phục	Bộ	18	0,255	0,6	1,31	0,16
2	Thẻ cán bộ	cái	12	0,4	1	2	0,231
III	**Vật tư**						
1	Giấy in A4	Gram	-	3,44	4,4	7,8	4,2
2	Mực in	Hộp	-	0,9	1,2	2	1,1
3	Bút bi	Cái	-	29,42	49	98	23
4	Nước uống	Lít	-	100	245	585	75

Ghi chú:

- Một số Thiết bị cập nhật lại thời hạn sử dụng theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, gồm có: Máy photocopy, ghế khách hàng, bàn làm việc, bàn máy tính, tủ đựng tài liệu.

- Các thiết bị khác, giữ nguyên thời hạn sử dụng theo Quyết định số 1051/QĐ-LĐTBXH ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.